

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2019/DS-ST
Ngày: 15-11-2019
“V/v Tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Trần Thành Hiệp

2/- Ông Trần Đăng Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh H là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu thành tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2019/TLST–DS ngày 28 tháng 8 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích L, sinh năm: 1976 (có mặt).

Cư trú: Tổ 8, ấp Vĩnh P , xã Vĩnh A, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1983(vắng mặt).

Ông Lê Văn T, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Tổ 2, ấp Vĩnh L , xã Vĩnh B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai cùng ngày 02-8-2019 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Bích L trình bày:

Do chỗ quen biết bà Nguyễn Thị bé N giới thiệu, nên vào ngày 20/5/2017 ả bà có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T vay số tiền 60.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 5 tháng, mục đích vay để chăn nuôi vịt đẻ, khi vay có lập văn bản do bà H viết và ký tên xác nhận và có 2 người làm

chứng là bà Nguyễn Thị bé N và bà Nguyễn Thị Ngọc L. Sau khi vay bà H chỉ đóng lãi được 1 tháng số tiền 1.800.000 đồng, sau đó không đóng lãi, cũng không trả vốn. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền vốn lãi là 60.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án có tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng phía bị đơn đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự và tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vốn 60.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần Bích L khởi kiện bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay 60.000.000đ. Tuy phía bà H và ông T đều vắng mặt tại phiên tòa, song căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn cung cấp như biên nhận nợ đề ngày 20/5/2017 do bà Nguyễn Thị H ký nhận có nội dung: “Tôi tên Nguyễn Thị H sinh ngày 19/4/1983 nguyên quán xã Vĩnh B, huyện C có mượn cô Trần Bích L ngày sinh 1976 nguyên quán Châu Phú với số tiền là 60 triệu chẵn lãi suất 3% trên 1 tháng mỗi tháng đóng lãi 1 lần thời gian là 5 tháng tôi sẽ trả lại nếu đến thời hạn nêu trên mà tôi không trả lại thì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, trong thời gian nhận tiền có hai người làm chứng là Nguyễn Thị bé N và Nguyễn Thị Ngọc L” và lời khai của bà Nguyễn Thị H tại biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2019 (do ngày 26/3/2019 bà Trần Bích L có khởi kiện bà Nguyễn Thị H, sau đó đến ngày 19/7/2019 bà rút lại đơn khởi kiện) bà H đều thừa nhận có vay 60.000.000đ tiền lãi đóng mỗi tháng là 1.800.000đ, thời hạn vay 5 tháng bà có đóng lãi nhưng không nhớ rõ bao nhiêu, bà vay để làm vốn chăn nuôi vịt, khi bà vay bà có nói cho ông T biết, khi nhận tiền thì không có ông T nhưng khi mang tiền về bà đưa cho ông T cất giữ mua lúa cho vịt ăn, nên bà yêu cầu ông T cùng có nghĩa vụ trả số này cho bà L. Qua xác minh và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị bé N trình bày “do quen biết bà L, còn ông T là em ruột bên sui gia với bà nên bà giới thiệu cho vợ chồng ông T

vay tiền của bà L, bà trực tiếp chứng kiến bà L đưa tiền cho bà H, ông T không nhận tiền nhưng bà biết ông T sử dụng tiền này để mua lúa cho vịt ăn của bà Lành”; bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: “Bà có trực tiếp chứng kiến bà L đưa cho bà H vay 60.000.000đ, sau khi nhận tiền bà H trả cho bà khoản 30.000.000đ tiền vợ chồng ông T bà H nợ tiền mua lúa của bà cho vịt ăn, phần còn lại thì bà H đem về nên bà có ký tên làm chứng cho bà L” Từ những chứng cứ trên đã đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị H có vay nợ bà Trần Bích L là thật và hiện còn nợ 60.000.000đ, do đó trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Nguyên đơn bà Trần Bích L yêu cầu bà H và ông T cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 60.000.000đ cho bà. Xét thấy tuy biên nhận nợ chỉ có bà H là người ký vay nợ, song qua lời khai nguyên đơn, lời thừa nhận của bị đơn bà H, lời trình bày của các nhân chứng cho thấy bà H vay số tiền trên sử dụng vào việc chăn nuôi vịt đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, thời điểm này bà H và ông T còn trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp đến ngày 25/3/2019 thì bà H và ông T mới ly hôn theo quyết định số 96/2019/QĐST-HNGĐ, do đó căn cứ vào điều 27 luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần buộc bà H và ông T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 60.000.000 đồng cho bà L là phù hợp.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn trình bày đối với số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3% tháng, trong suốt quá trình vay bị đơn chỉ trả 1.800.000 đồng tiền lãi, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 60.000.000đ không yêu cầu tính lãi. Xét thấy nếu tính lãi từ khi viết biên nhận nợ đến nay theo lãi suất quy định của pháp luật thì số tiền lãi cao hơn nhiều so với số tiền 1.800.000đồng đã nhận, do đó không nên điều chỉnh và chấp nhận yêu cầu nguyên đơn không tính lãi theo hướng có lợi cho bị đơn là hoàn toàn phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà Trần Bích L. Do yêu cầu được chấp nhận nên bà Trần Bích L được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Các điều 27, 30, 37 luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Bích L.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Trần Bích L số tiền là 60.000.000đ .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Về án phí: bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Bích L được hoàn lại 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004404 ngày 28/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bà Trần Bích L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/11/2019). Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kim Hoa